TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 777/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huê

2. Ông Hoàng Minh Đang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên toà: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày *11* tháng 7 năm *2017* tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2016/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số:33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Ngọc O, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: đường Đ, Phường V, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: ấp Y, xã S, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

2.*Bị đơn*: Ông Trương Sĩ H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà O và ông H sống chung từ năm 2006, có giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số I/2006 do Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/7/2006. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà O yêu cầu ly hôn ông H.

Vợ chồng có một một chung là Trương Sĩ Minh H, sinh ngày 05/01/2011. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông H.

Tài sản chung:không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà O là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của Bà Đinh Thị Ngọc O, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp ly hôn,bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đinh Thị Ngọc O có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông Trương Sĩ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Quan hệ hôn nhân: Ông Trương Sĩ H và Bà Đinh Thị Ngọc O sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Bà O yêu cầu ly hôn với ông H vì bà không còn tình cảm dành cho chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Đối với ông H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa để lấy lời khai, tham dự phiên hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà O, điều đó chứng tỏ ông H không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không còn tình cảm dành cho vợ. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà O là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Con chung: Xét thấy yêu cầu của bà O được trực tiếp nuôi con là Trương Sĩ Minh H, sinh ngày 05/01/2011, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tài sản chung: Đương sự tự khai không có.

[6] Nợ chung: Đương sự tự khai không có.

[7] Bà O phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Ngọc O.

1.1. Quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Ngọc O được ly hôn ông Trương Sĩ H.

1.2. Con chung: Giao cho bà Đinh Thị Ngọc O trực tiếp nuôi con là Trương Sĩ Minh H, sinh ngày 05/01/2011.Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông H cho đến khi bà O có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Tài sản chung: Đương sự tự xác định không có.

1.4. Nợ chung: Đương sự tự xác định không có.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà O phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0026570 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà O phải nộp 100.000 đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử đã giải thích cho đương sự về việc yêu cầu thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- UBND xã S, huyện Đ,
Tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

(đã ký)

Lê Văn Giàu